

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 247/2024/HS-ST

Ngày: 18-12-2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN - TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đông Thiên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Ngọc Hoà

2. Bà Nguyễn Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Trâm - Thư ký của Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn tham gia phiên tòa: Ông Văn Lê Hoài Khiêm - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 269/2024/TLST-HS ngày 14.11.2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 274/2024/QĐXXST-HS ngày 22.11.2024 đối với các bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Trung T**, giới tính: Nam, sinh năm 1990; tại Bình Định; nơi cư trú: Tổ 7, khu phố 5, phường T, TP. Q, tỉnh B; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 10/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Văn N; Con bà: Bùi Thị H; Vợ: Nguyễn Thị Thu T (đã ly hôn); Con: 02 người (lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2021); tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 09/6/2024 đến ngày 12/6/2024 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an TP. Quy Nhơn “Có mặt tại phiên tòa”.

- Bị hại: Chị Nguyễn Thị Cúc H, sinh năm 1995. (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm 3, Vân Hội 2, TT. D, H. T, T. B

- Người làm chứng:

1. Anh Lê Văn C, sinh năm 1973. (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 5, khu phố 9, phường T, thành phố Q

2. Nguyễn Minh H, sinh năm 1986. (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 4, khu phố 8, phường T, thành phố Q

3. Nguyễn Văn N, sinh năm 1957. (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 7, khu phố 5, phường T, thành phố Q

4. Đoàn Thị C, sinh năm 1950. (vắng mặt)

Địa chỉ: 1612 Hùng V, phường T, thành phố Q

5. Đỗ Nguyễn T, sinh năm 1977. (vắng mặt)

Địa chỉ: 1279 Hùng V, phường T, thành phố Q

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Trung T và chị Nguyễn Thị Cúc H có quan hệ tình cảm với nhau. Vào ngày 01/6/2024, H phát hiện T nghiện ma túy đá nên chấm dứt quan hệ nhưng T vẫn còn giữ căn cước công dân và giấy đăng ký xe mô tô, xe máy của H.

Đến sáng ngày 09/6/2024, T nhắn tin hẹn H đến khách sạn Phương N, địa chỉ 1590 Hùng V, khu phố 9, Phường T, thành phố Q để nói chuyện. Đến khoảng 12 giờ 05 phút ngày 09/6/2024, H điều khiển xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 76H1-451.83 đến khách sạn Phương N với mục đích gặp T để lấy lại căn cước công dân và giấy đăng ký xe mô tô, xe máy mà T còn giữ. Lúc này, H gặp T ở trước khách sạn Phương N, T yêu cầu H lên phòng 101 của khách sạn để nói chuyện nhưng H không đồng ý. T nắm tay H kéo, yêu cầu H đi, nên H yêu cầu T thả ra để tự đi. Lúc này, T điều khiển xe mô tô 76H1-451.83 vào hầm để xe của khách sạn, H đi bộ theo T. Khi T dừng xe, H đi tới rút chìa khóa xe rồi cầm bộ chạy bộ ra khỏi khách sạn rồi tiếp tục chạy theo đường Hùng V hướng về ngã 3 Phú T. T thấy vậy liền chạy rượt đuổi theo H. Khi chạy được khoảng 60m, đến trước số nhà 1612 Hùng V, khu vực 9, Phường T, thành phố Q thì H tự té ngã. T nhào tới ngồi đè lên người H rồi dùng hai tay nắm điện thoại mà H đang cầm trên tay để giằng co với H. Vì vậy, cố sức đẩy T ra nhưng T vẫn ngồi đè H xuống đất rồi dùng tay giành lấy điện thoại di động hiệu Samsung A53, có gắn ốp lưng, bên trong ốp lưng có số tiền 1.800.000đ. Chiếm đoạt được điện thoại di động cùng số tiền 1.800.000đ của H, T mang số tài sản này về lại phòng 101 khách sạn Phương N và giữ trong người. Sau đó, H đến Công an Phường T trình báo sự việc.

Ngày 12/6/2024, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự TP. Quy Nhơn kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Samsung A53, đã qua sử dụng tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 4.100.000đ; 01 ốp lưng điện thoại di động bằng nhựa dẻo, đã qua sử dụng tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 10.000đ.

Về dân sự: Bị cáo Nguyễn Trung T đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại H số tiền 5.000.000đ. Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường dân sự gì thêm.

Về vật chứng: Cơ quan CSĐT Công an TP. Quy Nhơn đã tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu A53, đã qua sử dụng; 01 ốp lưng màu đỏ, có dòng chữ Pro camera, đã qua sử dụng; 03 tờ tiền Việt Nam đồng mỗi tờ tiền mệnh giá 500.000đ; 03 tờ tiền Việt Nam đồng mỗi tờ tiền có mệnh giá 100.000đ, đã trả lại cho bị hại Nguyễn Thị Cúc H; thu giữ 03 đoạn Video ghi nhận lại diễn biến vụ việc.

- Tại bản cáo trạng số 262/CT-VKSQN ngày 11.11.2024 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn truy tố bị cáo Nguyễn Trung T về tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 168 của Bộ luật hình sự;

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo T về tội “cướp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 168, điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo T **tù 12 tháng đến 18 tháng tù.**

Về dân sự: bị hại đã nhận lại tài sản bị mất, đã nhận 5.000.000đ bồi thường từ gia đình bị cáo nên không yêu cầu bồi thường gì khác

- Bị cáo tự bào chữa: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, không bào chữa.

- Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất hối hận, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Quy Nhơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Nguyễn Trung Tuấn đã thực hiện hành vi rượt đuổi, đè lên người, dùng vũ lực giằng co, khống chế để chiếm đoạt điện thoại di động (hiệu Samsung A53, màu cam đào) trị giá 4.100.000đ, có gắn ốp lưng (bằng nhựa dẻo, màu đỏ, loại dùng cho điện thoại di động Samsung A53) trị giá 10.000đ; bên trong ốp lưng có số tiền 1.800.000đ của bị hại chị Nguyễn Thị Cúc H

Bị cáo T là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, cố ý trực tiếp thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản, sức khỏe của người khác, nên bị cáo T đã phạm tội “Cướp tài sản” tội danh và hình phạt được quy định tại theo khoản 1 Điều 168 của Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản, sức khỏe của người khác, nên cần xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự.

[3] *Tuy nhiên cũng xem xét*: đối với bị cáo T, trong quá trình điều tra bị cáo “*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”, “*tự nguyện bồi thường thiệt hại*” đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị hại và bị cáo có quan hệ yêu đương, khi sự việc xảy ra bị hại đã nhận bồi thường, có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được xem xét quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; nên cần xem xét trong quá trình lượng hình.

[4] *Về phần dân sự*:

Bị hại chị H đã nhận lại tài sản bị mất, đã nhận 5.000.000đ bồi thường từ gia đình bị cáo nên không yêu cầu bồi thường gì khác nên HĐXX không xem xét

[5] *Về hình phạt bổ sung*:

Theo quy định tại Điều 168 của Bộ luật hình sự thì bị cáo T còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đ đến 100.000.000đ. Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] *Xử lý vật chứng*:

Trong quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an TP. Quy Nhơn đã tạm giữ và trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu A53, đã qua sử dụng; 01 ốp lưng màu đỏ, có dòng chữ Pro camera, đã qua sử dụng; 03 tờ tiền Việt Nam đồng mỗi tờ tiền mệnh giá 500.000đ; 03 tờ tiền Việt Nam đồng mỗi tờ tiền có mệnh giá 100.000đ, đã trả lại cho bị hại chị Nguyễn Thị Cúc H; nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Trong quá trình điều tra, cơ quan điều tra thu giữ 03 đoạn Video ghi nhận lại diễn biến vụ việc. Đây là chứng cứ của vụ án nên lưu theo hồ sơ vụ án.

[7] *Về án phí*: Bị cáo T bị kết án về tội “Cướp tài sản”, nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự.

[8] Đề nghị của đại diện VKSNDTP Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định phù hợp với hướng nhận định của HĐXX nên chấp nhận;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự ;

Căn cứ Điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. *Về tội danh:* Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trung T phạm tội “Cướp tài sản”.
2. *Về hình phạt:* Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung T 18 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 09/6/2024.

3. Về án phí:

Bị cáo Nguyễn Trung T phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. *Quyền kháng cáo:* Bị cáo có mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với bị hại vắng mặt tại phiên Tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS Tp. Quy Nhơn;
- CQ CSĐT CA Tp. Quy Nhơn;
- Đội ĐTTH CA Tp. Quy Nhơn;
- Đương sự;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Đông Thiên